

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 05/CV-BV ngày 12/01/2024 của Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên “Về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên”; kèm theo hồ sơ bổ sung ngày 05/05/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-STNMT ngày 07/05/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên, có địa chỉ tại số 567 đường Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 567 đường Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 339/QĐ-BGDĐT ngày 18/01/2007; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa

bệnh số 244/BYT-GPHĐ ngày 6/7/2020 của Bộ Y tế.

1.4. Mã số thuế: 6000457541-002.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Diện tích: 6.238 m² (Gồm có: Diện tích xây dựng các hạng mục về kỹ thuật hạ tầng là 6196,28 m²; Diện tích các hạng mục bảo vệ môi trường là 41,72 m²).

- Công suất giường bệnh: 120 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên
(Đ/c: số 567 đường Lê Duẩn, phường Ea Tam,
thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh;
- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ các khu khám, chữa bệnh; khu xét nghiệm, phẫu thuật.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột nằm trên đường Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Vị trí xả nước thải: Vị trí đầu nối là hố ga thoát nước mưa (ký hiệu 60t) của hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột trên đường Lê Duẩn, có vị trí gần khu vực giao giữa đường Nguyễn An Ninh và đường Lê Duẩn.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 0447967; Y = 1399063 (Theo Công văn số 3568/UBND-QLĐT ngày 19/10/2018 của UBND TP Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận vị trí đầu nối hệ thống thoát nước sau xử lý của Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên vào hệ thống thoát nước chung của TP Buôn Ma Thuột).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $35 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $1,45 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được bơm vào đường ống D90mm dài 55m được đầu nối với hố ga thoát nước mưa (ký hiệu 60t) của hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột trên đường Lê Duẩn.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục trong suốt quá trình hoạt động của bệnh viện 24h/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, hệ số $k = 1,2$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	<i>Shigelle</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

- Vị trí quan trắc chất lượng nước thải định kỳ (theo đề xuất của Chủ cơ sở): 01 điểm nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bồn cầu của 18 khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D=114mm, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (kích thước: 3,6m x 2,6m x 1,8m, số lượng: 03 cái) để xử lý sơ bộ. Nước thải sinh hoạt từ sàn, lavabo,... tại khu vệ sinh sau khi qua lưới chắn rác được thu gom bằng đường ống PVC D=90mm. Sau khi xử lý sơ bộ, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn và nước thải sinh hoạt từ các nguồn còn lại theo đường ống PVC D=100mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế từ các khu khám, chữa bệnh; khu xét nghiệm, phẫu thuật được thu gom bằng ống nhựa PVC D=90 mm, PVC D=100 mm về bể gom có thể tích 1,8m³. Nước thải y tế từ phòng giặt, phòng hấp được dẫn bằng ống nhựa PVC

D=114 mm về bể chứa nước có thể tích $1,8\text{m}^3$. Nước thải y tế từ bể chứa được bơm và dẫn theo ống PVC D=60mm về hệ thống XLNT tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Khu vực nhà làm việc số 1 và nhà làm việc số 2: Số lượng 02 bể.

Thông số kỹ thuật: $3,6\text{m} \times 2,6\text{m} \times 1,8\text{m}$, tương đương với thể tích $16,84\text{m}^3$ xây bằng gạch, chống thấm bằng vữa xi măng.

- Trung tâm xét nghiệm Y khoa: số lượng 01 bể

Thông số kỹ thuật: $3,6\text{m} \times 2,6\text{m} \times 1,8\text{m}$, tương đương với thể tích $16,84\text{m}^3$ xây bằng gạch, chống thấm bằng vữa xi măng.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.2.2. Bể gom nước thải y tế:

Số lượng: 01 bể

Thông số kỹ thuật: $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1,8\text{m}$, tương đương với thể tích $1,8\text{m}^3$ bằng bê tông cốt thép, chống thấm.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế: $35\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải từ các hoạt động của bệnh viện → Bể kỵ khí 1 kết hợp điều hòa → Bể kỵ khí 2 → Bể vi sinh hiếu khí có vật liệu dính bám → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm 01 bể kỵ khí 1 kết hợp điều hòa (kích thước: $2,2\text{m} \times 3,2\text{m} \times 3,5\text{m}$, tương đương thể tích $24,64\text{m}^3$), 01 bể kỵ khí 2 (kích thước: $2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m}$, tương đương thể tích $10,5\text{m}^3$), 01 bể vi sinh hiếu khí có vật liệu dính bám (kích thước: $2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m}$, tương đương thể tích $10,5\text{m}^3$), 01 bể lắng (kích thước: $1,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m}$, tương đương thể tích $5,25\text{m}^3$), 01 bể khử trùng (kích thước: $1,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,5\text{m}$, tương đương thể tích $5,25\text{m}^3$). Các bể được xây bằng bê tông cốt thép, chống thấm.

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

- Thiết bị, vật liệu sử dụng: Song chắn rác, máy bơm nước thải, máy thổi khí, bơm bùn ly tâm trục ngang, bơm định lượng hóa chất, thùng pha hóa chất khử trùng, vật liệu đệm, motor khuấy, tủ điện, dây cáp điện, van ống và phụ kiện.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời khi xảy ra sự cố. Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải có dấu hiệu bất

thường phải nhanh chóng khắc phục, sửa chữa, không để sự cố phát sinh hoặc xảy ra ở mức nghiêm trọng rồi mới khắc phục.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải đầu ra; màu nước; mùi phát sinh từ hệ thống để phát hiện kịp thời sự cố quá tải về lưu lượng và nồng độ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 47/GP-UBND của UBND tỉnh cấp ngày 15/11/2018).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Trồng cây xanh để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra xung quanh, đồng thời góp phần tạo cảnh quan môi trường cho khu vực bệnh viện.

- Trang bị các hệ thống thu gom và xử lý bụi, mùi và hơi dung môi hữu cơ bay hơi. Tại phòng xét nghiệm bố trí 01 tủ hút cách ly với chụp hút và ống thải cao để thu gom phát tán hơi dung môi, hoá chất ra bên ngoài. Tại phòng sấy hấp thuộc khu vực thanh trùng, hơi xả từ các lò hấp ở nhiệt độ 250⁰C đã tiêu diệt các vi trùng gây bệnh, nhưng vẫn còn khả năng gây ảnh hưởng đến nhân viên làm việc tại đây do nóng bức và mùi hôi, để giảm thiểu ô nhiễm ở khu vực này thực hiện thông gió cục bộ, bố trí các chụp hút tại miệng xả hơi và thải ra ngoài qua ống thải cao.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, quần áo bảo hộ lao động theo quy định của ngành y tế cho nhân viên.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các khoa phòng, tổ chức thu gom rác thải hợp lý, không để lưu giữ lâu trong các khoa, phòng.

- Công tác chống nhiễm khuẩn tại Bệnh viện được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật về vô trùng, khử khuẩn đối với các dụng cụ y tế, vệ sinh khoa, phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm, ...

- Hệ thống thoát nước thải được xây dựng kín, hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kín, có lỗ thông hơi, cách ly với khu làm việc, khám, chữa bệnh.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm			4.860
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền dịch, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác)	13 01 01	Rắn	540
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (Bông, băng, gạc dính máu, dịch tiết...)	13 01 01	Rắn	3.600
1.3	Chất thải giải phẫu (các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người, nhau thai, bào thai)	13 01 01	Rắn	720
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			48
2.1	Hóa chất thải bỏ có thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn	24
2.2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có thành phần thủy ngân	13 02 02	Rắn	24
3	Chất thải nguy hại khác			66
3.1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	12
3.2	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	6
3.3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	6
3.4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	6
3.5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/Lỏng	6
3.6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	6

	<i>hoặc các thiết bị điện thải</i>			
3.7	<i>Chất hấp phụ, vật liệu học, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại</i>	18 02 01	Rắn	24
Tổng				4.974

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa, lá cây, rác ở các khu vực ngoại cảnh...)	54
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (bìa carton, giấy các loại, vỏ giấy các loại hộp thuốc, vỏ chai nhựa, lọ thủy tinh, vật liệu kim loại khác...)	6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa màu vàng và màu đen có nắp đậy loại 25L số lượng 60 cái, 100L số lượng 6 cái, hộp kháng thủng màu vàng; bao bì mềm.

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải y tế nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa tạm thời chất thải là nhà cấp 4 có diện tích 15,2 m², sàn nhà được ốp gạch men thuận tiện cho việc vệ sinh.

- Kết cấu nhà lưu chứa chất thải: Xây tường gạch bao quanh, nền bê tông được ốp gạch, có mái che, có biển cảnh báo và dán nhãn chất thải y tế nguy hại, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên CTNH.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng chất thải rắn thông thường không tái chế (màu xanh): 15 thùng 25L; 5 thùng 50L; 1 thùng 240L.

- Thùng đựng chất thải rắn thông thường tái chế (màu trắng): 5 thùng 25L; 2 thùng 50L.

2.2.2. Biện pháp xử lý:

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện, yêu cầu nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn điện, hóa chất, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.